

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG SINGAPORE

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 ext 247
Email: namn@vcci.com.vn



4.2014

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG SINGAPORE

MỤC LỤC

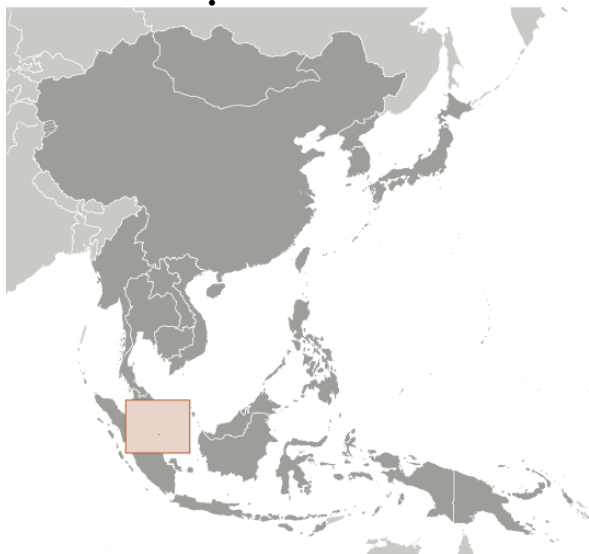
I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
1. Các thông tin cơ bản	3
2. Lịch sử	4
3. Du lịch:.....	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	4
1. Tổng quan:	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	5
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	7
1. Văn bản ký kết:	7
2. Hợp tác thương mại	7
3. Tình hình đầu tư:.....	9
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	9
5. Tập quán Kinh doanh:.....	10
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	10
1. Quan hệ ngoại giao:	10
2. Quan hệ chính trị:.....	10
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	12
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	12
2. Các hoạt động đã triển khai	12
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	12

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Singapore

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Singapore

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Cộng Hòa Xinh-ga-po (Singapore)
Thể chế chính trị:	Cộng hoà Nghị viện
Đứng đầu nhà nước:	Tổng thống Tony TAN Keng Yam (kể từ 1 tháng 9 năm 2011)
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Lý Hiên Long (Lee Hsien Loong) từ ngày 12/8/2004
Các quan chức cấp cao:	Bộ trưởng cấp cao HENG Chee How, Phó Thủ tướng Teo Chee Huan và Tharman Shanmugaratnam.
Tham gia các tổ chức Quốc tế:	ADB, AOSIS, APEC, ARF, ASEAN, BIS, C, CP, EAS, FATF, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, NAM, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNMIT, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO
Diện tích:	692,7 km2, gồm 64 đảo, 1 đảo lớn và 63 đảo nhỏ.
Khí hậu:	nhiệt đới, nóng, độ ẩm cao và lượng mưa nhiều do vị trí của đảo nằm ngoài hải dương và gần đường xích đạo. Nhiệt độ trung bình: 26,70C; độ ẩm trung bình: 84,4%, lượng mưa trung bình trong năm: 2,359 mm.
Tài nguyên:	hải sản, cảng nước sâu
Thủ đô:	Singapore
Dân số:	5,567,301
Tuổi trung bình:	33.8 tuổi

Các dân tộc:	Trung Quốc 74.2%, Malay 13.3%, Ấn Độ 9.2%,
Tôn giáo:	Đạo Phật 33.9%, Đạo Hồi 14.3%, Taoist 11.3%, Hindu 5.2%, Catholic 7.1%, Thiên chúa 11%, không tôn giáo 16.4%.
Tỷ giá hối đoái:	USD/SGD 1.25 (2013) , 1.253 (2012), 1.234 (2011); 1.3635 (2010); 1.4545 (2009); 1.415 (2008)

2. Lịch sử

Singapore là một thuộc địa của Anh năm 1819. Singapore tham gia vào Liên bang Malaysia vào năm 1963 nhưng tách ra hai năm sau đó và trở thành quốc gia độc lập. Singapore sau đó đã trở thành một trong những quốc gia thịnh vượng nhất thế giới với liên kết kinh doanh quốc tế mạnh mẽ (cảng biển của Singapore là một trong những cảng bận rộn nhất của thế giới) và GDP bình quân đầu người ngang bằng với các quốc gia hàng đầu của Tây Âu.

3. Du lịch:

Trong năm 2011, số lượng khách quốc tế tới Singapore là 13.2 triệu người, tăng 13% so với năm 2010 (Theo Singapore Tourism Board). Singapore thu từ du lịch ước tính sơ bộ đạt 22.2 tỷ USD (Theo Bloomberg).

Năm 2013, Singapore đạt kỷ lục gần 15.5 triệu lượt khách quốc tế đến, tăng 6.7% so với năm 2012

[https://app.stb.gov.sg/Data/tou/typea/type1/2013/16/IVAstat_JanToDec_2013%20\(updated24Jan14\).pdf](https://app.stb.gov.sg/Data/tou/typea/type1/2013/16/IVAstat_JanToDec_2013%20(updated24Jan14).pdf)

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

Singapore hầu như không có tài nguyên, nguyên liệu đều phải nhập từ bên ngoài, hàng năm phải nhập lương thực, thực phẩm để đáp ứng nhu cầu ở trong nước.

Singapore có cơ sở hạ tầng và một số ngành công nghiệp phát triển cao hàng đầu Châu Á và thế giới như: cảng biển, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, công nghiệp lọc dầu, chế biến, điện tử và lắp ráp máy móc tinh vi. Singapore có 12 khu vực công nghiệp lớn, trong đó lớn nhất là Khu công nghiệp Du-rông (Jurong). Singapore là nước hàng đầu về sản xuất ổ đĩa máy tính điện tử và hàng bán dẫn. Singapore còn là trung tâm lọc dầu và vận chuyển quá cảnh hàng đầu ở Châu Á.

Singapore cũng được coi là nước đi đầu trong việc chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức. Singapore đang thực hiện kế hoạch đến năm 2018 sẽ biến Singapore thành một thành phố hàng đầu thế giới, một đầu mối của mạng lưới mới trong nền kinh tế toàn cầu và Châu Á và một nền kinh tế đa dạng nhạy cảm kinh doanh.

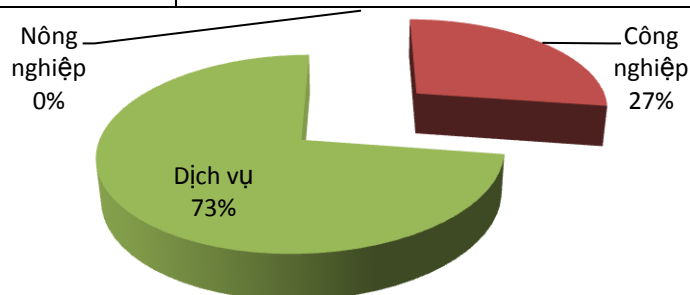


Singapore có nền kinh tế thị trường tự do phát triển cao và rất thành công. Singapore được hưởng một môi trường kinh tế mở cửa và không có tham nhũng, giá cả ổn định, và thu nhập bình quân trên đầu người cao hơn so với hầu hết các nước phát triển khác. Nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là các thiết bị điện tử tiêu dùng, sản phẩm công nghệ thông tin, dược phẩm, và lĩnh vực dịch vụ tài chính. GDP thực tế tăng trưởng trung bình 7,1% từ năm 2004 - 2007. Nền kinh tế sụt giảm 0,8% trong năm 2009 do hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng lại hồi phục 14,5% trong năm 2010 và 5,3% trong năm 2011, với sức mạnh của xuất khẩu. Về lâu dài, Chính phủ hy vọng sẽ thiết lập một lộ trình tăng trưởng mới tập trung vào nâng cao năng suất. Singapore đã thu hút được đầu tư lớn vào sản xuất dược phẩm và công nghệ y tế và sẽ tiếp tục nỗ lực để thiết lập Singapore là trung tâm tài chính và công nghệ cao của khu vực Đông Nam Á.

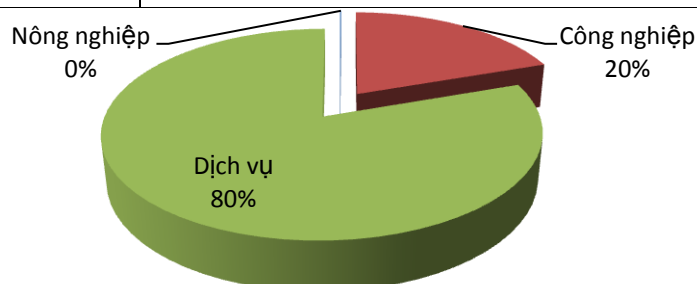
2.1%.

2. Các chỉ số kinh tế:

	2010	2011	2012	2013
GDP (ppp)	298.7 tỉ	320 tỉ USD		339 tỷ USD (đứng thứ 41 toàn cầu)
GDP (OER)		266.5 tỉ		287.4 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	14.6 %	4.9%	2.1%	3.5% (đứng thứ 98 toàn cầu)
GDP theo đầu người	57,800 USD/người	60,700	60,900 USD	62,400 USD (đứng thứ 7 toàn cầu)
GDP theo ngành	Nông nghiệp 0%, Công nghiệp 27.3%, Dịch vụ 72.7%			



Lực lượng lao động	3.428 triệu)
Phân bố lao động theo ngành	Nông nghiệp 0.1%, Công nghiệp 19.6%, dịch vụ 80.3%

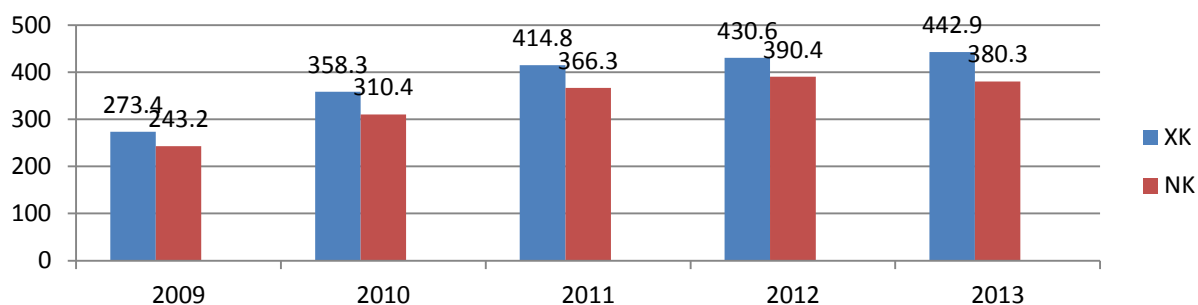


Tỷ lệ thất nghiệp	2.2%	2%	2%	2.1% (đứng thứ 16)
--------------------------	------	----	----	---------------------------

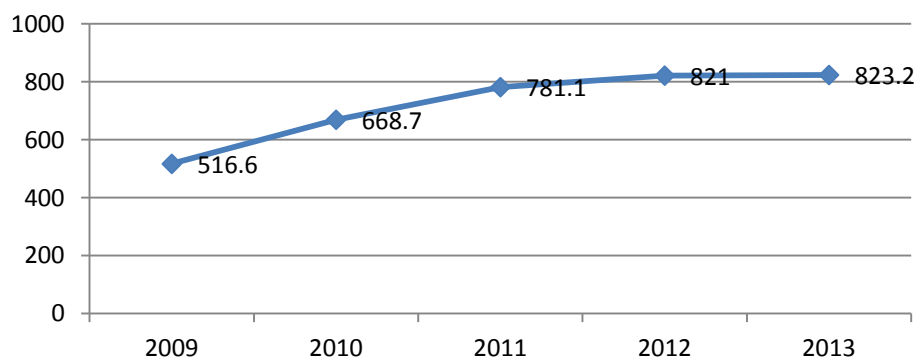


				toàn cầu)
Tỷ lệ lạm phát	2.8%	5.2%	4.4%	2.4% 84)
Mặt hàng nông nghiệp	rau quả, trứng, cá, hoa phong lan, cá cảnh			
Các ngành công nghiệp	Điện tử, hóa chất, thiết bị khoan dầu, lọc dầu, sản phẩm cao su và chế biến cao su, thực phẩm chế biến và đồ uống, sữa chữa tàu, xây dựng, xây dựng khu đánh bắt xa bờ, công nghệ sinh học, thầu khoán			
Tăng trưởng công nghiệp		7.8%		3.5%
Tổng Kim ngạch XNK	668.7 tỷ USD	781.1 tỷ USD		823.2 tỷ USD
Kim ngạch xuất khẩu	358.3 tỷ USD	414.8 tỷ		442.9 tỷ USD (tăng 2.85%)
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị, hàng hóa tiêu dùng, dược phẩm, hóa chất, nguyên liệu khai khoáng			
Bạn hàng XK chính	Malaysia 12%, Hồng Kông 11%, Trung Quốc 10.8%, Indonesia 10.6%, Mỹ 5.5%, Nhật Bản: 4.5%			
Kim ngạch nhập khẩu	310.4 tỷ USD	366.3 tỷ		380.3 tỷ USD (giảm 2.5%)
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị, nguyên liệu khai khoáng, hóa chất, thực phẩm, hàng tiêu dùng			
Bạn hàng NK chính	Mỹ 10.8%, Malaysia 10.7%, Trung quốc 10.4%, Nhật Bản 7.2%, Hàn quốc 5.9%, Indonesia 5.3%.			

Biểu đồ XK và NK của Singapore qua các năm (tỷ USD)



Biểu đồ XNK của Singapore qua các năm



III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Văn bản ký kết:

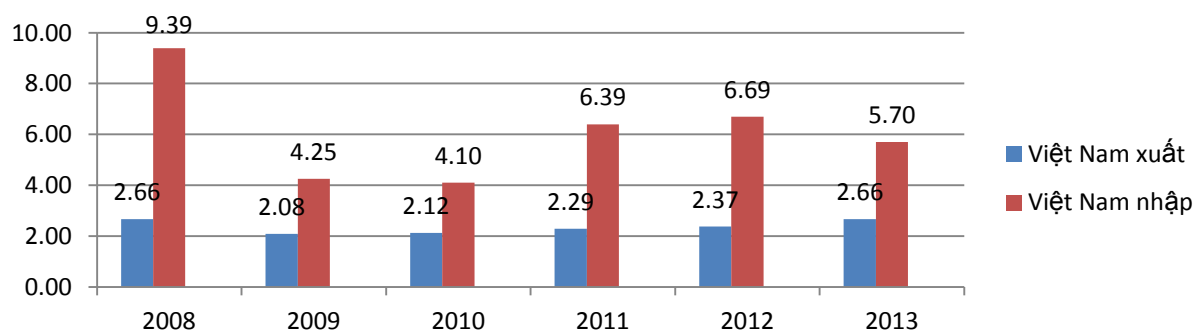
- + Hiệp định hàng hải thương mại (4/1992);
 - + Hiệp định về vận chuyển hàng không(4/1992);
 - + Hiệp định thương mại (9/1992);
 - + Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư (10/1992);
 - + Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường (14/5/1993);
 - + Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (3/1994);
 - + Hiệp định hợp tác về du lịch (8/1994);
- và một số thoả thuận hợp tác trên một số lĩnh vực như thanh niên (3/1995) và báo chí (01/1996), văn hoá thông tin (4/1998)...

2. Hợp tác thương mại

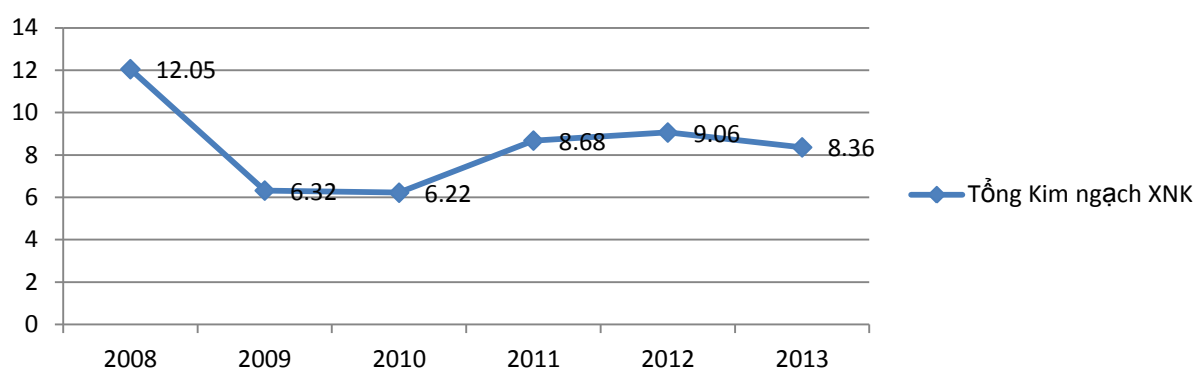
- Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong : (Đơn vị USD)

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng KN	Tỷ lệ tăng	XK chiếm
2008	2,659,728,071	9,392,533,417	12,052,261,488		22.10%
2009	2,076,253,481	4,248,355,912	6,324,609,393	-47.50%	32.80%
2010	2,121,313,573	4,101,144,202	6,222,457,775	-1.60%	34.10%
2011	2,285,653,117	6,390,575,285	8,676,228,402	39.40%	26.30%
2012	2,367,896,604	6,690,330,106	9,058,226,710	4.40%	26.34%
2013	2,662,360,988	5,702,562,490	8,364,923,478	-7.65%	31.8%

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Singapore (tính theo tỷ USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Singapore từ 2008 – 2012



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 2013

VN NK từ Singapore 2013	Triệu USD	% 2012
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1,937	88.98
Xăng dầu các loại	1,899	-48.13
Chất dẻo nguyên liệu	264	1.93
Sản phẩm hoá chất	133	23.15
Giấy các loại	132	2.33
Hoá chất	130	30.00
Sữa và sản phẩm sữa	126	103.23

VN XK đi Singapore 2013	Triệu USD	% 2012
Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	385	28.33
Dầu thô	345	61.21
Điện thoại và linh kiện	327	45.98
Phương tiện vận tải và phụ tùng	214	33.75
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	192	-27.27
Gạo	162	23.66
Hàng Thủy sản	98	13.95
Xăng dầu các loại	12	-85.54



3. Tình hình đầu tư:

Tính đến năm 2013, Singapore đã có 1,219 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký lên tới hơn 29.3 tỉ USD, đứng thứ 2 trong số hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam.

Riêng năm 2013, Singapore có 105 dự án với tổng số vốn hơn 3 tỷ USD.

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Quan hệ hợp tác Việt Nam - Singapore trong gần 30 năm qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Singapore đã trở thành một trong những đối tác thương mại đầu tư hàng đầu của Việt Nam.

Du lịch là một trong những lĩnh vực hợp tác có nhiều tiềm năng. Việc hai nước miễn thị thực nhập cảnh cho nhau khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của du lịch Việt Nam - Singapore. Cơ quan du lịch Singapore cũng là cơ quan du lịch quốc tế đầu tiên mở Văn phòng Đại diện tại Việt Nam, điều này đã thúc đẩy mạnh mẽ và làm tăng nhanh số khách du lịch từ Singapore sang Việt Nam và ngược lại.

Với mối quan hệ quốc tế rộng khắp và phát triển thông qua các chương trình hợp tác kỹ thuật, Singapore đã giúp Việt Nam đào tạo cán bộ trong những lĩnh vực quản lý xã hội, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Theo thống kê chưa đầy đủ hiện có khoảng 3.000 sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường Đại học, cao đẳng, các cơ sở dạy nghề tại Singapore.

Trong lĩnh vực đầu tư, Singapore có mặt trong hầu hết ngành kinh tế của Việt Nam, từ thăm dò, khai thác dầu khí, sản xuất công nghiệp tới chế biến nông lâm hải sản và chủ yếu tập trung nhiều trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, dịch vụ và kinh doanh bất động sản. Nhiều dự án của Singapore hoạt động đạt hiệu quả cao đóng góp đáng kể trong việc giải quyết việc làm, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. như: Dự án công ty liên doanh cảng Container quốc tế tại VICT tại thành phố Hồ Chí Minh, Dự án khu công nghiệp Singapore tại Bình Dương (VSIP) là những dẫn chứng chứng minh sự đầu tư đúng hướng của các tập đoàn Singapore tại Việt Nam. Bộ Kế hoạch Đầu tư tại Việt Nam mà đầu mối là Cục đầu tư nước ngoài (FIA) với Cục phát triển kinh tế Singapore (EDB) đã phối hợp lựa chọn các Dự án tích cực đem lại lợi ích cho hai bên và đẩy nhanh việc chấp thuận Dự án từ đó tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư trên thế giới. Kết hợp lợi thế của Việt Nam và Singapore với đầu tư bằng nguồn vốn của nền kinh tế thứ ba sẽ tạo nên sự kết hợp mang tính cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài. Được biết hiện EDB đang đề xuất bốn Dự án thực hiện theo sáng kiến chung này.

Singapore là nước chủ nhà của hàng nghìn công ty quốc gia và được liên kết toàn cầu. Kết nối với Singapore thông qua sự liên kết có sẵn của nước này với phần còn lại của thế giới, Việt Nam có thể nhận được hiệu ứng tức thì gắn kết xuyên suốt toàn cầu từ các lĩnh vực viễn thông đến việc tiếp cận các quỹ tài trợ bảo đảm thông qua các công ty tài chính quốc tế. Hợp tác chặt chẽ với Singapore cũng có nghĩa là gắn kết chặt chẽ học hỏi được kinh nghiệm quý báu trong quản lý đất nước, phát triển công nghệ, ứng dụng khoa học và giáo dục hiện đại

5. Tập quán Kinh doanh:

Văn hoá kinh doanh của doanh nhân Singapore có tính cạnh tranh cao và đạo đức kinh doanh mạnh mẽ khác thường.

Trong văn hoá kinh doanh của Singapore, những quan hệ cá nhân thường được coi trọng hơn công ty mà bạn đại diện. Người Singapore thường có niềm tin mặc định đối với những người cùng dân tộc. Năng lực chuyên môn, thành tích và khả năng làm việc theo nhóm được đánh giá cao.

Lịch sự là phần không thể thiếu trong quan hệ kinh doanh thành công tại Singapore. Tuy nhiên lịch sự không ảnh hưởng tới việc quyết định kinh doanh của người Singapore.

Giống như người Việt Nam, người Singapore có thể hỏi đối tác những câu hỏi riêng tư về hôn nhân hay thu nhập. Bạn có thể từ chối trả lời một cách lịch sự, song nếu không trả lời những câu hỏi như vậy của người Singapore thì mối quan hệ có thể kém đi.

Tuổi tác và thâm niên được kính trọng trong văn hoá kinh doanh Singapore. Nếu bạn là thành viên của một đoàn đại biểu, thì thành viên quan trọng nhất phải được giới thiệu đầu tiên.

Khi ngồi nói chuyện với đối tác không nên ngồi chéo chân. Ra hiệu vẫy tay nên vẫy bằng tay phải với lòng bàn tay hướng xuống đất, các ngón tay hướng ra và vẫy lại.

Danh thiếp được trao đổi vào lúc bắt đầu cuộc gặp gỡ, ngay sau khi giới thiệu. Trao nhận danh thiếp nên bằng hai tay. Xem danh thiếp của đối tác một cách cẩn thận và cung kính. Không bao giờ được dùng tay trái khi trao đổi danh thiếp.

Danh thiếp nên được in bằng tiếng Anh (in nổi là tốt nhất). Do tỉ lệ doanh nhân Singapore là người Trung Quốc cao nên mặt sau danh thiếp nên dịch sang tiếng Trung. Màu vàng là màu ưa chuộng trên danh thiếp đối với người Hoa. Người Singapore rất nhiệt tình khi được trao đổi danh thiếp.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Việt Nam và Singapore thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 01/8/1973. Tháng 12/1991, Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore và tháng 9/1992, Đại sứ quán Singapore tại Hà Nội được thành lập.

2. Quan hệ chính trị:

Trước năm 1979, quan hệ hai nước phát triển tốt, đánh dấu bằng chuyến thăm chính thức Singapore (16 – 17/1/1978) của Thủ tướng Phạm Văn Đồng; hai bên ra Tuyên bố chung khẳng định những nguyên tắc chỉ đạo quan hệ hai nước. Giai đoạn 1979 – 1990, do có vấn đề Cam-pu-chia nên quan hệ hai nước không có tiến triển.



Từ năm 1991, cùng với chuyển biến chung của cục diện quốc tế và tình hình khu vực, đặc biệt là việc ký Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia năm 1991, cũng như tác động của chính sách đổi mới của ta, quan hệ hai nước được cải thiện nhanh chóng.

Sau khi Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali (7/1992) và trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN tháng 7/1995, quan hệ hai nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất. Singapore rất coi trọng phát triển quan hệ hợp tác với Việt Nam và Việt Nam trở thành một trong những thị trường chính về hợp tác thương mại, đầu tư của Singapore ở Đông Nam Á.

Đặc biệt, trong chuyến thăm làm việc Singapore của Thủ tướng Phan Văn Khải (3/2004), hai bên đã ký "Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21", tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước.

- Các chuyến thăm Singapore gần đây của các nhà lãnh đạo cấp cao ta:

- + Tổng Bí thư Đỗ Mười (10/1993)
- + Chủ tịch Trần Đức Lương (4/1998)
- + Thủ tướng Võ Văn Kiệt (11/1991) và (5/1994)
- + Thủ tướng Phan Văn Khải (10/1992, với tư cách Phó Thủ tướng) và thăm làm việc (3/2004)
- + Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (9/1995)
- + Chủ tịch Quốc Hội Nguyễn Văn An (12/2003)
- + Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng sang Singapore dự Hội thảo: "Việt Nam, nơi đến của các nhà đầu tư" do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam chủ trì ngày 15/3/2001 và tham dự Chương trình giao lưu Lý Quang Diệu 26-29/7/2004; thăm làm việc và ký kết Hiệp định khung về kết nối Việt Nam – Singapore (5 – 7/12/2005).
- + Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm (2/1995)
- + Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê (3/1995)
- + Bộ trưởng Quốc phòng Phạm Văn Trà (2 – 4/4/2004)
- + Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên (4/2000 – 1/2004)
- + Bộ trưởng Bộ Công an Lê Hồng Anh (29/3 – 31/3/2005)
- + Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (18 – 23/11/2007)

- Các chuyến thăm Việt Nam gần đây của các nhà lãnh đạo cấp cao của Singapore:

- + Tổng thống S R Na-than (2/2001)
- + Thủ tướng Gô Chốc Tông (3/1994; 12/1998 và thăm làm việc 3/2003)
- + Thủ tướng Lý Hiển Long (4/2000 với tư cách Phó Thủ tướng, 6-7/12/2004)
- + Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng quốc phòng Tô-ni Tân thăm VN với tư cách khách mời của Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê (11/1996)
- + Bộ trưởng cao cấp Lý Quang Diệu (4/1992, 11/1993, 3/1995 và 11/1997)

- + Bộ trưởng Ngoại giao Ông Can Xinh (10/1992)
- + Bộ trưởng Ngoại giao S. Giay-a-cu-ma (8/1996 và tháng 11/2001)
- + Bộ trưởng Quốc phòng Tiêu Chí Hiền (12/2003)
- + Chủ tịch Quốc Hội Ap-đu-la Ta-mu-di (19-21/7/2004)
- + Trung tướng I-at Chung, Tư lệnh Lực lượng Quốc phòng Singapore (18/4 – 21/4/2005).

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Singapore vào ngày 19 tháng 12 năm 2003 tại Singapore

2. Các hoạt động đã triển khai

- Tháng 3 năm 2004, VCCI đã tổ chức thành công đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Phan Văn Khải sang thăm và làm việc tại Singapore. Trong khuôn khổ chuyến thăm này, VCCI đã tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Singapore.
- Tháng 12 năm 2005, tổ chức Những ngày Việt Nam tại Singapore, Diễn đàn Thương mại-Đầu tư-Du lịch Việt Nam-Singapore cũng được khai mạc tại Trung tâm Suntec City.
- Tháng 11 năm 2007, VCCI đã dẫn đầu đoàn doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN và Hội nghị Thượng đỉnh về Kinh doanh và Đầu tư ASEAN tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Singapore.
- Từ 30/11 – 2/12/2011, VCCI phối hợp với Liên đoàn Thương mại Singapore, Cục Phát triển Quốc tế Singapore, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Phụ nữ quốc tế Singapore tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Singapore 2011 lần thứ nhất tại Hà Nội.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Cộng Hòa Singapore:

Đại sứ: Mr. Ng Teck Hean
Phó Đại sứ: Mr. Raymond Chow
Tham tán: Mr. Yeo Hwa Leng

41 – 43 Tran Phu Str., Hanoi

Tel: 84-4-38233966 Fax: 84-4-37337627

Website:

http://www.mfa.gov.sg/content/mfa/overseasmission/hanoi/about_the_embassy.html


❖ **Tổng lãnh sự quán Cộng hoà Singapore**

Văn Phòng: 65 Lê Lợi, Sài Gòn Centre, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT. 8225173/ 4 - Fax. 8251600/ 8214766

Địa chỉ: Căn hộ 608 Sumerset Chancellor Court, 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai.

ĐT. : 8229197

❖ **Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore:**

Đại sứ: Ông Trần Hải Hậu (ext. 11)

Tham tán Thương mại: Bà Nguyễn Việt Chi (tel: 64683747, fax: 64670458)

Địa chỉ: 10 Leedon Park, Singapore 267887

Điện thoại: 4625938 - Fax: 4689863

Lãnh sự: 4625938

Code: 00-65

Email: vnemb@singnet.com.sg

Website : <http://www.vietnamembassy-singapore.org/vi>

❖ **SINGAPORE BUSINESS FEDERATION (SBF)**

Singapore Business Federation

10 Hoe Chiang Rd., #22-01 Keppel Tower, Singapore 089315

Tel: (65) 6827-6828

Fax: (65) 6827-6807

Email: info@sbf.org.sg

Website: www.sbf.org.sg

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

*Website *CIA – The World Factbook*

*Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*

*Website *Sứ quán tại Việt Nam*

*Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. khẩu VN – Singapore

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2013

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
XINH GA PO			373.473.891		5.702.562.490
Hàng thủy sản	USD		517.459		3.453.938
Sữa và sản phẩm sữa	USD		4.051.312		126.890.890
Hạt điều	Tấn	211	1.394.964	763	4.768.347
Dầu mỡ động thực vật	USD		210.072		1.526.163
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		630.891		35.276.480
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		1.258.343		14.855.783
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		165.827		2.029.451
Quặng và khoáng sản khác	Tấn			33.034	6.215.285
Xăng dầu các loại	Tấn	109.337	105.930.392	2.034.760	1.899.249.048
Khí đốt hóa lỏng	Tấn			5	22.888
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		19.109.531		196.359.555
Hóa chất	USD		5.940.931		130.538.293
Sản phẩm hóa chất	USD		12.249.071		133.514.948
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		388.119		3.629.746
Dược phẩm	USD		836.229		12.913.290
Phân bón các loại	Tấn			10	35.224
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		6.427.980		63.866.668
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	13.276	25.045.515	140.014	264.072.355
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		1.967.992		18.736.326
Sản phẩm từ cao su	USD		1.013.688		9.287.641
Giấy các loại	Tấn	3.743	11.596.349	23.759	132.563.261
Sản phẩm từ giấy	USD		138.514		1.827.899
Vải các loại	USD		216.692		3.679.702
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		286.736		3.188.979
Phế liệu sắt thép	Tấn	3.012	1.100.189	72.936	27.191.772
Sắt thép các loại	Tấn	611	567.654	6.750	10.699.519
Sản phẩm từ sắt thép	USD		4.067.632		49.544.218
Kim loại thường khác	Tấn	277	1.242.465	2.111	17.580.704
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		616.367		3.828.822
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		98.321.420		1.937.403.435
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		34.358.740		300.012.937
Dây điện và dây cáp điện	USD		537.654		8.555.632
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		1.381.377		6.954.292



Bảng 2. khẩu VN – Singapore

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan
Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2013

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
XINH GA PO			209.606.621		2.662.360.988
Hàng thủy sản	USD		10.958.809		98.178.518
Hàng rau quả	USD		2.500.304		24.150.491
Hạt điều	Tấn	289	1.944.545	1.590	10.010.083
Cà phê	Tấn	140	293.156	939	2.660.896
Hạt tiêu	Tấn	1.159	7.895.153	11.176	63.664.919
Gạo	Tấn	13.636	6.888.064	356.537	162.072.891
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		691.954		7.235.825
Dầu thô	Tấn	40.939	35.652.845	404.886	345.455.215
Xăng dầu các loại	Tấn	2.980	2.358.516	16.020	12.153.275
Sản phẩm hóa chất	USD		1.889.935		17.029.599
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	125	179.766	2.105	3.637.565
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		2.068.336		22.949.397
Cao su	Tấn	120	273.267	1.122	3.495.020
Sản phẩm từ cao su	USD		90.845		2.754.830
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	USD		725.420		7.415.281
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.520.546		25.053.681
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		1.993.780		34.469.855
Hàng dệt, may	USD		5.300.734		41.323.509
Giày dép các loại	USD		4.624.027		33.285.301
Sản phẩm gốm, sứ	USD		402.913		3.247.081
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		11.852.383		192.617.965
Sắt thép các loại	Tấn	2.153	2.208.290	26.790	24.405.396
Sản phẩm từ sắt thép	USD		2.339.332		32.103.217
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		1.085.217		9.721.373
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		31.870.637		385.885.272
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		17.471.081		327.567.092
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		22.994.172		256.458.206
Dây điện và dây cáp điện	USD		5.906.446		46.123.632
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		1.490.204		214.338.064